

## **KẾ HOẠCH**

### **Thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030**

Thực hiện Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030;

Thực hiện Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030;

Thực hiện Công văn số 7375/BYT-TCDS ngày 31/12/2020 của Bộ Y tế về việc triển khai thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030;

Thực hiện Kế hoạch số 94-KH/TU ngày 21/02/2018 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới; Kế hoạch số 1524/KH-UBND ngày 29/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 của tỉnh Ninh Thuận, giai đoạn 2020 – 2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030, như sau:

## **I. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu chung**

Phổ cập dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh nhằm nâng cao chất lượng dân số góp phần thực hiện thành công Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

- Tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 70% năm 2025; 90% năm 2030 và giảm 50% số cặp tạo hôn, giảm 60% số cặp hôn nhân cận huyết thống;

- Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát (sàng lọc trước sinh) ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất đạt 50% năm 2025; 70% năm 2030;

- Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát (sàng lọc sơ sinh) ít nhất 5 loại bệnh, tật bẩm sinh phổ biến nhất đạt 70% năm 2025; 90% năm 2030;

- Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có điểm, cơ sở cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc trước sinh; sàng lọc sơ sinh theo hướng dẫn chuyên môn đạt 70% năm 2025; 90% năm 2030;

- Tỷ lệ cơ sở y tế tuyến huyện trở lên đủ năng lực cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc trước sinh; sàng lọc sơ sinh theo hướng dẫn chuyên môn đạt 70% năm 2025; 90% năm 2030;

- Đến năm 2030, phát triển cơ sở sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh ở Bệnh viện Đa khoa tỉnh.

## **II. THỜI GIAN, PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG**

1. Thời gian: Kế hoạch được thực hiện từ năm 2021 đến năm 2030.

2. Phạm vi: Kế hoạch được triển khai trên phạm vi toàn tỉnh.

3. Đối tượng:

- Đối tượng thụ hưởng: Vị thành niên; nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ; phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh.

- Đối tượng tác động: Người dân trong toàn xã hội; các sở, ban, ngành, đoàn thể, nhân viên y tế, dân số, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Kế hoạch.

## **III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

### **1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách**

a) Ban hành kế hoạch, văn bản chỉ đạo thực hiện Chương trình; kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện; có biện pháp điều chỉnh kịp thời, phù hợp với thực tiễn trong từng giai đoạn.

b) Triển khai thực hiện chính sách cho các đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, bảo trợ xã hội; người dân tại xã đặc biệt khó khăn; xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi; vùng nhiễm chất độc dioxin được sử dụng miễn phí gói dịch vụ cơ bản của Kế hoạch.

c) Rà soát, bổ sung chính sách hỗ trợ cho cộng tác viên dân số khi tư vấn, vận động đối tượng sử dụng các gói dịch vụ cơ bản (theo hướng dẫn của Trung ương).

d) Xây dựng các quy trình tiêu chuẩn đối với tổ chức, cá nhân khi tham gia tư vấn và cung cấp các dịch vụ của Kế hoạch (theo hướng dẫn của Trung ương).

đ) Triển khai xã hội hóa cung ứng dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh.

e) Triển khai danh mục các bệnh tật thuộc gói dịch vụ cơ bản: dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh;

f) Triển khai các quy trình chuyên môn kỹ thuật; quy chuẩn, tiêu chuẩn của cơ sở cung cấp dịch vụ về tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng

lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh, sơ sinh; bộ công cụ giám sát, đánh giá chất lượng dịch vụ và trang thiết bị, dụng cụ, sinh phẩm y tế theo hướng dẫn của Trung ương.

## **2. Tuyên truyền vận động và huy động xã hội**

a) Cung cấp thông tin về các hoạt động của Kế hoạch tới các ngành, các cấp và người dân thông qua các hội nghị chuyên đề, bản tin chuyên ngành. Tuyên truyền, vận động các đoàn thể, tổ chức, người có uy tín trong cộng đồng và người dân ủng hộ, tham gia thực hiện Kế hoạch. Lồng ghép với các hoạt động, chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ liên quan.

b) Phổ biến, giáo dục pháp luật, vận động người dân và cộng đồng thực hiện nghiêm các quy định về cấm tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống; thanh niên cam kết không tảo hôn, không kết hôn cận huyết thông qua hương ước, quy ước. Huy động các đoàn thể, bộ đội biên phòng ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc tham gia giải quyết tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống.

c) Đẩy mạnh tư vấn cộng đồng, vận động thanh niên thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; phụ nữ mang thai thực hiện sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh; trẻ sơ sinh được thực hiện sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh bẩm sinh.

## **3. Phát triển mạng lưới dịch vụ**

a) Mở rộng khả năng tiếp cận của người dân với các dịch vụ có chất lượng về tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh.

b) Đầu tư hoàn thiện mạng lưới tầm soát trước sinh, sơ sinh của tỉnh. Đầu tư bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở y tế trong tỉnh để đảm bảo đủ điều kiện tư vấn, cung cấp các dịch vụ khám sức khỏe trước khi kết hôn và tầm soát, chẩn đoán được ít nhất 04 bệnh tật trước sinh và 05 bệnh tật sơ sinh; ưu tiên các địa bàn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, và vùng nhiễm chất độc dioxin.

c) Đào tạo chuyên gia, nhân viên y tế, nhân viên kỹ thuật tiếp nhận, chuyển giao công nghệ y sinh phục vụ sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh. Đào tạo liên tục cho nhân viên y tế, dân số, cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn bản, người cung cấp dịch vụ bao gồm khu vực ngoài công lập.

d) Mở rộng các loại hình cung cấp dịch vụ của các cơ sở y tế trong và ngoài công lập phù hợp với từng nhóm đối tượng, từng địa bàn theo hướng bảo đảm mọi người dân đều được tiếp cận, sử dụng các dịch vụ cơ bản tại xã; được tư vấn trước, trong và sau khi sử dụng dịch vụ. Giám sát chất lượng dịch vụ của các cơ sở y tế, bao gồm cả y tế tư nhân.

đ) Thí điểm một số mô hình cung cấp dịch vụ tại khu công nghiệp, khu kinh tế và địa bàn có đối tượng khó tiếp cận.

e) Ứng dụng công nghệ thông tin trong cung cấp dịch vụ; tổ chức, cá nhân

tham gia đầu tư, vận hành các cơ sở cung cấp dịch vụ. Xây dựng hệ thống thông tin quản lý cơ sở cung cấp dịch vụ, cơ sở dữ liệu về các đối tượng.

#### **4. Nghiên cứu khoa học, ứng dụng kỹ thuật mới**

a) Nghiên cứu, xây dựng bản đồ dịch tễ đối với các bệnh, tật cần sàng lọc trên phạm vi toàn tỉnh và tại các vùng, địa bàn trọng điểm.

b) Tiếp nhận, ứng dụng các kỹ thuật mới trong sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh, sơ sinh theo yêu cầu của Trung ương.

#### **5. Huy động nguồn lực và hợp tác quốc tế**

a) Đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh, sơ sinh; tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Kế hoạch; huy động toàn bộ mạng lưới y tế, dân số tham gia theo chức năng, nhiệm vụ được giao; ưu tiên bảo đảm hoạt động ở tuyến cơ sở.

b) Vận động các nguồn lực, tài trợ trong và ngoài nước để thực hiện nhanh, hiệu quả các mục tiêu của Kế hoạch; tăng cường hợp tác quốc tế, liên doanh, liên kết về chuyên môn, kỹ thuật, đào tạo, trao đổi chuyên gia, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ.

### **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Kinh phí thực hiện được huy động từ các nguồn:

- Ngân sách Trung ương từ nguồn kinh phí Trung ương hỗ trợ (nếu có).

- Ngân sách địa phương bảo đảm theo khả năng cân đối ngân sách và theo phân cấp ngân sách hiện hành, được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ y tế, dân số, lồng ghép trong các Chương trình, Dự án có liên quan theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

- Huy động sự tham gia, đóng góp, hỗ trợ của các tổ chức trong và ngoài nước, đặc biệt trong việc sản xuất và cung ứng các vi chất dinh dưỡng cho phụ nữ có thai và trẻ em.

- Các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

### **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Sở Y tế**

- Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố tổ chức triển khai, thực hiện đạt mục tiêu, kết quả nêu tại Kế hoạch này, đảm bảo gắn kết chặt chẽ với các chương trình, kế hoạch liên quan do các sở, ban, ngành chủ trì thực hiện.

- Hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch và định kỳ báo cáo UBND tỉnh, Bộ Y tế; sơ kết và tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện.

**2. Sở Khoa học và Công nghệ:** Phối hợp với Sở Y tế trong việc triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ về nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật mới trong việc sàng lọc, chẩn đoán, điều trị bệnh tật trước khi kết hôn, trước sinh và sơ sinh.

### 3. Ban Dân tộc tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và sở, ngành liên quan triển khai các chương trình, đề án, dự án về giảm tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống; tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

**4. Sở Tư pháp:** Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành rà soát, bổ sung và hướng dẫn thực hiện chính sách về hôn nhân, gia đình liên quan đến Kế hoạch này.

**5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:** Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành có liên quan rà soát, hoàn thiện các chính sách về văn hóa, thể dục, thể thao góp phần nâng cao chất lượng dân số.

**6. Sở Giáo dục và Đào tạo:** Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành có liên quan đổi mới toàn diện nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản trong và ngoài nhà trường; tổ chức triển khai các hoạt động của Kế hoạch trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

**7. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:** Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương rà soát, đề xuất sửa đổi bổ sung và hướng dẫn thực hiện chính sách ưu tiên cho các đối tượng được thụ hưởng liên quan Kế hoạch này.

**8. Sở Tài chính:** Cân đối ngân sách địa phương tham mưu UBND tỉnh kinh phí thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030 theo quy định về phân cấp ngân sách nhà nước.

### 9. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế hướng dẫn lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về chất lượng dân số vào việc xây dựng các mục tiêu, chỉ tiêu trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của tỉnh.

- Tổng hợp các nguồn tài trợ dự án của các tổ chức phi chính phủ để tổ chức thực hiện các hoạt động của Kế hoạch thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030 và tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí vốn đầu tư công theo quy định.

**10. Sở Thông tin và Truyền thông:** Hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi các cơ quan báo chí, truyền thông thực hiện công tác thông tin tuyên truyền về tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh trên địa bàn tỉnh.

**11. Báo Ninh Thuận, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh:** Đẩy mạnh tuyên truyền các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn; tác hại của tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống; lợi ích của khám sức khỏe tiền hôn nhân; tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh...; tăng thời lượng phát sóng, số lượng bài viết về các hoạt động của Kế hoạch này trong các chương trình, chuyên trang, chuyên mục của đơn vị.

**12. Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị khác:** Tham gia thực hiện Kế hoạch trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

**13. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố**

- Căn cứ tình hình thực tế của địa phương và nội dung của Kế hoạch này để xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện; lồng ghép với các chương trình, kế hoạch, dự án khác có liên quan ở địa phương.

- Bố trí nhân lực, phương tiện, kinh phí thực hiện Kế hoạch theo điều kiện đặc thù của địa phương trong dự toán ngân sách hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Đẩy mạnh xã hội hóa phù hợp với điều kiện của địa phương.

**14. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Tỉnh Đoàn:** Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, tham gia triển khai, tuyên truyền và giám sát việc thực hiện Kế hoạch.

Căn cứ Kế hoạch này, các ngành, các cấp có trách nhiệm triển khai thực hiện theo nhiệm vụ được phân công; định kỳ trước ngày 10 tháng 12 hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (thông qua Sở Y tế để tổng hợp). Giao Sở Y tế làm đầu mối hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện nội dung Kế hoạch này, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Y tế theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- CT và PCT UBND tỉnh NLB;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Chi cục Dân số-KHHGD;
- VPUB: LĐ;
- Lưu: VT, VXNV. NNN

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Long Biên**